ỦY BAN DÂN TỘC **TRƯỜNG PT VÙNG CAO VIỆT BẮC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 606 /QĐ-TCCB	*Thái Nguyên, ngày 06 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận kết quả vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PHỔ THÔNG VÙNG CAO VIỆT BẮC

Căn cứ Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, Công chức và Luật Viên chức năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLB-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Liên Bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo- Bộ Nội vụ hướng dẫn quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2411/QĐ-BGDĐT ngày 20/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm của Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc;

Căn cứ Công văn số 1117/UBDT-TCCB ngày 29/6/2023 của Ủy ban Dân tộc về việc tuyển dụng viên chức năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 420/KH-VCVB ngày 03/7/2023 của Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc về việc tuyển dụng viên chức năm 2023;

Xét Báo cáo ngày 06/9/2023 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2023 Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Quyết định công nhận kết quả vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc năm 2023 *(Có danh sách kèm theo).*

Điều 2: Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Kế hoạch Tài chính – Đời sống, Đào tạo, Công tác Học sinh sinh viên – An ninh, Thanh tra Khảo thí – Đảm bảo chất lượng và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như điều 2 (để t/h); - Lưu: TCCB, VT.	**HIỆU TRƯỞNG** TRƯỜNG PHỔ THÔNG VÙNG CAO VIỆT BẮC **Lục Thúy Hằng**

ỦY BAN DÂN TỘC
TRƯỜNG PHỔ THÔNG VÙNG CAO VIỆT BẮC

KẾT QUẢ VÒNG 2 KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023

(Kèm theo QĐ số: 606 /QĐ-TCCB, ngày 06 /9/2023 của Hiệu trưởng Trường phổ thông Vùng cao Việt Bắc)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh	Dân tộc	Số CCCD	Vị trí dự tuyển	Điểm KTSH	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	TH 01	Trần Xuân Bách	22/6/1998	Kinh	019098002766	Giáo viên Toán	98	0	98	
2	TH 02	Hà Thị Ngọc Bình	28/11/2000	Tày	006300004053	Giáo viên Toán	82	5	87	
3	TH 03	Nguyễn Quốc Cường	25/7/1986	Kinh	019086007168	Giáo viên Toán	80	0	80	
4	TH 04	Nguyễn Vũ Hương Giang	01/5/1999	Kinh	001199016180	Giáo viên Toán	83	0	83	
5	TH 05	Trần Thị Hảo	06/01/1997	Nùng	019197000446	Giáo viên Toán học	73	5	78	
6	TH 06	Hoàng Thị Hoa	18/12/2001	Nùng	020301008083	Giáo viên Toán học	76	5	81	
7	TH 07	Vũ Huy Hoàng	15/11/1999	Kinh	019099004760	Giáo viên Toán học	99	0	99	
8	TH 08	Lê Thị Hồng	19/9/1997	Kinh	036197010038	Giáo viên Toán học	98	0	98	
9	TH 09	Nguyễn Ngọc Huyền	05/02/1997	Kinh	019197000232	Giáo viên Toán học	/	/	/	Bỏ thi
10	TH 10	Nguyễn Thị Hải Linh	06/12/1997	Kinh	019197003742	Giáo viên Toán học	82	0	82	
11	TH 11	Nguyễn Thị Diệu Ngọc	10/6/1996	Kinh	019196055693	Giáo viên Toán học	99	0	99	
12	TH 12	Lâm Văn Tần	24/2/1993	Nùng	024093006313	Giáo viên Toán học	78	5	83	
13	TH 13	Chu Đỗ Thắng	18/5/2001	Nùng	019201002537	Giáo viên Toán học	88	5	93	
14	TH 14	Lê Thị Thảo	01/7/1996	Kinh	019196006775	Giáo viên Toán học	92	0	92	
15	TH 15	Bùi Thị Thảo	22/10/1990	Kinh	030190025623	Giáo viên Toán học	90	0	90	
16	TH 16	Lê Đào Huyền Trang	20/6/1997	Kinh	019197000178	Giáo viên Toán học	87	0	87	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh	Dân tộc	Số CCCD	Vị trí dự tuyển	Điểm KTSH	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
17	TH 17	Phạm Quỳnh Trang	10/11/1997	Kinh	019197011008	Giáo viên Toán học	92	0	92	
18	TH 18	Phan Thị Ánh Vân	14/11/1987	Kinh	036187000033	Giáo viên Toán học	/	/	/	Bỏ thi
19	VL 01	Đỗ Thùy Dương	15/3/1998	Sán dìu	019198002265	Giáo viên Vật lý	83	5	88	
20	VL 02	Tạ Thanh Hằng	12/4/1997	Kinh	001197001224	Giáo viên Vật lý	86	0	86	
21	VL 03	Nguyễn Thị Hằng	06/11/1993	Kinh	027193002599	Giáo viên Vật lý	91.5	0	91.5	
22	VL 04	Ngô Thị Thu Hiền	10/11/1997	Kinh	019197000377	Giáo viên Vật lý	/	/	/	Bỏ thi
23	VL 05	Vũ Thị Ngọc Lan	01/01/1985	Kinh	015185002210	Giáo viên Vật lý	80	0	80	
24	VL 06	Nguyễn Khắc Nam	09/9/1996	Kinh	019096004025	Giáo viên Vật lý	91	0	91	
25	VL 07	Vũ Thị Phương Thúy	09/7/1987	Kinh	02718703573	Giáo viên Vật lý	/	/	/	Bỏ thi
26	VL 08	Lê Thị Thu Trang	13/9/1993	Kinh	025193017892	Giáo viên Vật lý	85	0	85	
27	VL 09	Nguyễn Quỳnh Trang	01/12/1995	Kinh	03019517579	Giáo viên Vật lý	83	5	88	
28	VL 10	Vũ Thị Thanh Yến	12/01/1995	Kinh	001195020446	Giáo viên Vật lý	91	0	91	
29	HH 01	Mai Thị Minh Châu	20/01/1997	Tày	019197004795	Giáo viên Hóa học	89	5	94	
30	HH 02	Hoàng Thị Hiệp	01/9/2001	Nùng	020301001012	Giáo viên Hóa học	63.5	5	68.5	
31	HH 03	Nguyễn Thị Hương	15/3/1997	Kinh	024197014596	Giáo viên Hóa học	68	0	68	
32	HH 04	Đỗ Hải Linh	21/10/1995	Tày	019195003108	Giáo viên Hóa học	84	5	89	
33	HH 05	Nguyễn Thị Minh Tâm	09/8/1996	Kinh	019196010160	Giáo viên Hóa học	/	/	/	Bỏ thi
34	HH 06	Nguyễn Thị Thiết	02/9/1996	Kinh	024196000537	Giáo viên Hóa học	64.5	0	64.5	
35	HH 07	Đoàn Thị Kim Thương	10/01/1998	Kinh	008198008825	Giáo viên Hóa học	/	/	/	Bỏ thi
36	HH 08	Ngô Thị Kiều Trang	27/4/1995	Kinh	019195001451	Giáo viên Hóa học	73.5	0	73.5	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh	Dân tộc	Số CCCD	Vị trí dự tuyển	Điểm KTSH	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
37	HH 09	Lê Anh Tú	08/10/1996	Kinh	0190967672	Giáo viên Hóa học	74	0	74	
38	NV 01	Nguyễn Đức Anh	11/01/1995	Nùng	020095005196	Giáo viên Ngữ văn	90	5	95	
39	NV 02	Đặng Tiến Đạt	01/7/1997	Sán dìu	019097008784	Giáo viên Ngữ văn	60	5	65	
40	NV 03	Lương Hoàng Diệp	08/9/2001	Nùng	019301000198	Giáo viên Ngữ văn	97	5	102	
41	NV 04	Bàn Thị Hạnh	26/7/2000	Dao	019300007871	Giáo viên Ngữ văn	75	5	80	
42	NV 05	Nguyễn Thị Hiên	04/5/1987	Tày	019187007469	Giáo viên Ngữ văn	/	/	/	Rút Hồ sơ
43	NV 06	Lý Thị Hoa	21/31993	Nùng	020193010997	Giáo viên Ngữ văn	95	5	100	
44	NV 07	Nguyễn Thị Hòa	14/8/1999	Kinh	019199006816	Giáo viên Ngữ văn	63	0	63	
45	NV 08	Ngô Quỳnh Hoa	06/04/2001	Kinh	019301007717	Giáo viên Ngữ văn	80	0	80	
46	NV 09	Nguyễn Đoàn Diệu Ly	17/8/1999	Kinh	019199008047	Giáo viên Ngữ văn	70	0	70	
47	NV 10	Lê Thị Khánh Mai	23/3/1998	Kinh	019198003680	Giáo viên Ngữ văn	90	0	90	
48	NV 11	Linh Thị Mai	25/9/1995	Nùng	020195004047	Giáo viên Ngữ văn	/	/	/	Bỏ thi
49	NV 12	Bùi Thị Mây	19/06/1990	Kinh	019190016548	Giáo viên Ngữ văn	/	/	/	Bỏ thi
50	NV 13	Bùi Thị Nghệ	08/02/1995	Kinh	001950301073	Giáo viên Ngữ văn	64	0	64	
51	NV 14	Nguyễn Thị Ngọc	23/2/1993	Kinh	019193004373	Giáo viên Ngữ văn	/	/	/	Bỏ thi
52	NV 15	Nguyễn Thị Minh Ngọc	23/10/1998	Tày	019198004180	Giáo viên Ngữ văn	96	5	101	
53	NV 16	Trần Thị Phương Thảo	16/01/1999	Kinh	019199007926	Giáo viên Ngữ văn	90	0	90	
54	NV 17	Lý Thị Trà	26/6/1998	Tày	006198004306	Giáo viên Ngữ văn	/	/	/	Bỏ thi
55	NV 18	Hoàng Thị Thu Trang	19/01/1992	Nùng	020192007114	Giáo viên Ngữ văn	97	5	102	
56	NV 19	Ma Thị Uyên	25/12/1998	Tày	008198008517	Giáo viên Ngữ văn	70	5	75	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh	Dân tộc	Số CCCD	Vị trí dự tuyển	Điểm KTSH	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
57	LS 01	Hoàng Xuân Cường	08/02/1993	Nùng	020093008260	Giáo viên Lịch sử	/	/	/	Rút Hồ sơ
58	TC 01	Lê Minh Hoàng	12/9/1999	Kinh	035099007142	Giáo viên GDTC	91	0	91	
59	TC 02	Trần Quang Phong	03/8/2000	Kinh	019200000311	Giáo viên GDTC	90	0	90	
60	CVL 01	Nguyễn Văn Cương	06/12/1990	Tày	019090011902	Chuyên viên Luật	76	5	81	
61	CVL 02	Triệu Thị Ghến	10/8/1998	Dao	004198002521	Chuyên viên Luật	35	5	40	
62	CVL 03	Nguyễn Quỳnh Hương	28/12/1998	Nùng	019198010142	Chuyên viên Luật	86	5	91	
63	CVL 04	Trần Thị Khánh Linh	12/3/1997	Tày	019197007101	Chuyên viên Luật	60	5	65	
64	CVL 05	Đào Thị Diệp Linh	15/9/2001	Tày	019301007375	Chuyên viên Luật	55	5	60	
65	CVL 06	Nguyễn Thảo Ngọc	20/02/2001	Kinh	019301008781	Chuyên viên Luật	60	0	60	

(Danh sách có: 65 thí sinh).